**BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI**

**GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực cảm thụ phân tích văn bản văn học.

- Năng lực tạo lập văn bản: viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- Năng lực nói và nghe: trao đổi, thảo luận về một vấn đề của đời sống.

**3. Về phẩm chất**

- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| - GV hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận.  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - HS trả lời  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.  - HS trả lời | **1. Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận**  - Luận đề là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.  - Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày, có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.  **2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:    **3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp**  Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các kiểu đoạn văn được phân biệt dựa vào cách thức tổ chức, triển khai nội dung. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát của đoạn văn.  - Đoạn văn diễn dịch: Đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. |

**VĂN BẢN 1: HỊCH TƯỚNG SĨ**

**(Trần Quốc Tuấn)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản nghị luận.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Trần Quốc Tuấn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hịch tướng sĩ.*

- Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của văn bản nghị luận.

**3. Về phẩm chất**

Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

- GV nêu nhiệm vụ:

*+ Hãy kể tên một số vị tướng nổi tiếng trong lịch sử nước ta.*

*+ Theo em, điều gì đã khiến quân Mông – Nguyên ba lần đem quân xâm lược nước ta đều phải chịu thất bại?*

- GV mở đoạn video về cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: *Lịch sử Việt Nam được viết bằng máu và nước mắt của biết bao nhiêu thế hệ. Trong suốt chiều dài lịch sử hào hùng và đẫm màu bi tráng đó, chúng ta không thể không kể đến 3 lần chiến thắng quân Nguyên Mông của quân dân nhà Trần dưới sự lãnh đạo của vị tướng tài ba Trần Quốc Tuấn. Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân lúc bấy giờ, Trần Quốc Tuấn đã thảo Hịch tướng sĩ. Trải qua thăng trầm của lịch sử áng hịch vẫn trở thành một áng nghị luận mẫu mực. Hãy cùng tìm hiểu về bài Hịch qua bài học ngày hôm nay*.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Trần Quốc Tuấn và văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS: *Trình bày ngắn gọn thông tin về tác giả Trần Quốc Tuấn (HS đã chuẩn bị ở nhà).*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Từ phần chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận theo nhóm đôi, bổ sung những chi tiết còn thiếu.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Trao đổi, thảo luận báo cáo**  - GV gọi 2 HS phát biểu  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét và đưa ra kết luận.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Hoàn cảnh sáng tác của văn bản?*  *+ Xuất xứ của văn bản?*  *+ Cho biết thể loại của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả Trần Quốc Tuấn**  - Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300) tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc.  - Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (năm 1285) và thứ ba (năm 1287 – 1288), ông đều được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả hai lần đều chiến thắng oanh liệt.  - Đời Trần Anh Tông, ông về trí sĩ ở Vạn Kiếp (nay là xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) rồi mất ở đấy. Nhân dân tôn ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên cả nước.  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ**   Bài hịch được viết trước cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần 2 (1285), nhằm nêu cao tinh thần trung nghĩa của tướng lĩnh dưới quyền . Bài hịch tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cao đẹp (thời đại chống Nguyên - Mông).  **b. Thể loại**  - Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa hay tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh phong trào dùng để cổ động , thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài .  - Đặc điểm: khích lệ tình cảm, tinh thần người nghe, thường viết theo thể biền ngẫu. Hịch có kết cấu chặt chẽ , lí lẽ sắc bén , có dẫn chứng thuyết phục. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV nêu yêu cầu  *+ Tác giả biểu dương mấy tấm gương trung thần nghĩa sĩ xả thân vì nước nổi tiếng ở Trung Quốc?*  *+ Những tấm gương này có điểm chung nào? Tác giả đã lập luận như thế nào? Nêu tác dụng của phép lập luận ấy?*  **-**HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thảo luận**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV chốt kiến thức và ghi bảng.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi gợi mở:  *+ “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta?*  *+ Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?*  *+ Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động như thế nào? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - GV quan sát hỗ trợ HS.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ:  *+ Sau khi bộc bạch tâm can, chủ tướng đã làm gì? Nhận xét về cách viết đoạn văn đó.*  *+ Nhận xét về mối quan hệ của tác giả với các tướng sĩ dưới quyền.*  *+ Tác giả đã phê phán các tướng sĩ như thế nào? Nhận xét về cách lập luận.*  *+ Qua cách chỉ trích của tác giả ta thấy ông là người như thế nào?*  *+ Nêu hậu quả của việc ăn chơi.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - GV quan sát hỗ trợ HS.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ:  *+ Tác giả đã khuyên răn các tướng sĩ như thế nào?*  *+ Sau khi trách cứ, nói rõ thiệt hơn, tác giả vạch ra 2 con đường chính tà. Theo em, nói điều đó để làm gì?*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của tác giả khi đưa hai viễn cảnh?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - GV quan sát hỗ trợ HS.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **1. Nêu gương sáng trong sử sách**  - Tác giả biểu dương 6 tấm gương: Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh - họ có điểm chung không sợ hiểm nguy sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng trở thành gương sáng cho mọi người mọi thời đại noi theo?  - Lập luận: liệt kê gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc. Đây là những d/c tiêu biểu toàn diện như một luận cứ  🡪 Từ những tấm gương đó kêu gọi tướng sĩ nhà Trần suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước.  => khích lệ lòng trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng, vì nước của các tướng sĩ đời Trần.  **2. Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn**  \* Hoàn cảnh đất nước:  - Kẻ thù đang lăm le xâm lược, tình hình đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, “thời loạn lạc, buổi gian nan”.  + Đi lại nghênh ngang 🡪 không coi ai ra gì.  + Sỉ mắng triều đình + Bắt nạt tể phụ - làm nhục quốc thể.  + Vơ vét tài sản (đòi, thu, vét)  => Dùng một loại động từ + điệp từ (mà) để vạch trần sự ngang ngược, tham lam, tàn bạo, khinh thường dân tộc, thái độ hống hách và giã tâm của giặc. Sự sống còn của đất nước đứng trước  - Một số tướng sĩ thờ ơ, vô trách nhiệm, mải mê hưởng lạc, một số khác sợ uy của giặc nên dao động muốn cầu hòa.  \* Lòng căm thù giặc của vị chủ tướng:  - Qua hành động: quên ăn, mất ngủ, đau đớn thắt tim thắt ruột.  - Qua thái độ: uất ức chưa xả thịt lột da….  - Mục đích: Khơi gợi, khích lệ lòng căm thù giặc và nỗi nhục mất nước ở tướng sĩ.  - Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, vỗ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống  🡪 Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng.  **3. Phê phán thái độ sai lầm của các tướng sĩ**  **a. Nhắc lại mối ân tình giữa chủ - tướng sĩ.**  - Cùng nhau: vui đùa, sống chết 🡪 điệp từ, điệp cấu trúc câu; giọng văn thân tình 🡪 sự chăm chút ân tình chu đáo, quan tâm như ruột thịt, mối quan hệ khăng khít, đồng cam cộng khổ, vừa phân minh, vừa ân tình trọn vẹn.  - Tác giả đánh vào tâm linh các tướng sĩ; nhắc nhở, làm cho họ nhận thức rõ trách nhiệm của mình đồng thời làm tiền đề cho sự phê phán mạnh mẽ ở phần sau.  **b. Phê phán những thái độ và hành động sai của tướng sĩ**  - Nhìn chủ nhục --- không lo  - Thấy nước nhục --- không thẹn  - Hầu giặc --- không tức, không căm  🡪 Điệp ngữ phủ định (không biết), giọng xỉ vả, trách mắng 🡪 phê phán thái độ bàng quang, thờ ơ, vô trách nhiệm, trái với lẽ vua tôi, với đạo thân chủ, với số phận của dân tộc.  - Chọi gà – đánh bạc  - Lo làm giàu – ham săn bắn  - Thích rượu ngon – mê tiếng hát  => Phép liệt kê 🡪 lo ăn chơi, cầu an, hưởng lạc, ăn ngon, mặc đẹp, ham vật chất 🡪 vô trách nhiệm trước họa xâm lăng (được coi là tội ác).  - Hiểu rõ, nắm chắc các tướng sĩ dưới quyền.  \* Hậu quả:  + Bổng lộc, thái ấp không còn.  + Vợ con tan nát, khốn cùng.  + Xã tắc tổ tông bị giày xéo.  + Thanh danh ô nhục, chủ tướng bị bắt.  🡪 Điệp cấu trúc “chẳng những … mà…”.  🡪 Sự gắn liền những mất mát: tan nát về vật chất, mất mát về tinh thần; nước mất nhà tan.  => Khích lệ lòng tự trọng, thức tỉnh lòng yêu nước của tướng sĩ.  **4. Thức tỉnh các tướng sĩ về trách nhiệm**  - Đặt mồi lửa – biết lo xa. Huấn luyện quân sĩ, tăng cường tập luyện võ nghệ.  🡪 Chống được ngoại xâm, bảo vệ được đất nước và lợi ích của bản thân.  - Ra lệnh một cách dứt khoát và bắt các tướng sĩ phải lo ngay việc rửa nhục.  - Báo trước cái nhục nếu ai cố tình vui chơi.  - Chỉ ra kết quả của những hành động đúng: cả lợi ích chung và riêng đều được giữ trọn vẹn, lâu bền, ích nước lợi nhà.  - Khẳng định chỉ có một con đường duy nhất đúng: chuyên lo võ nghệ, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.  => Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ. Cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất sỉ mắng, răn đe nhưng có khi lại chân thành tình cảm. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Văn bản nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.  - Phản ánh tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.  **2. Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.  - Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ…) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện).  - Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động người đọc |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu***  (1)Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là một truyền thống quý báu của ta. (2)Lòng yêu nước là một tình cảm cao đẹp, là thứ tình cảm vô hình nhưng luôn tồn tại trong tim mỗi người, thôi thúc mỗi người cống hiến, đoàn kết cũng như tự hào dân tộc, sẵn sàng đứng lên đấu tranh chống lại mọi kẻ thù xâm lược. (3)Trong thời chiến, biểu hiện của lòng yêu nước chính là sự dũng cảm, hi sinh, xả thân vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì bờ cõi lãnh thổ. (4)Thời đại hiện nay, chúng ta được sống trong hoà bình và ấm no thì yêu nước và trách nhiệm chính là việc tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước cường thịnh, sánh vai cùng bè bạn năm châu bốn bể. (5)Bên cạnh đó, lòng yêu nước còn là tinh thần đoàn kết, yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ, sẻ chia với mọi người xung quanh và với người có hoàn cảnh khó khăn; tuân thủ pháp luật, những nguyên tắc, quy định của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (6)Là một học sinh trước hết chúng ta cần học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ, lễ phép với thầy cô. (7)Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. (8)Luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh, cố gắng trở thành một công dân tốt và cống hiến trọn vẹn cho nước nhà. (9)Bên cạnh việc cố gắng hoàn thiện bản thân thì chúng ta cần sống với lòng yêu nước, tinh thần sẵn sàng cống hiến, phát triển đất nước phồn thịnh để con cháu mai sau của ta có thể tự hào về những việc làm ngày hôm nay của ta. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Hịch tướng sĩ.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy thể hiện hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản trên bằng một sơ đồ tư duy.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Tranh vẽ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm thêm tư liệu về Trần Quốc Tuấn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Xác định được câu chủ đề trong đoạn văn.

- Viết được đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, phân tích đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ: Viết đoạn văn.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ:

*Cho đoạn văn sau:*

*Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho tận tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thầm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại.*

*(Khái Hưng)*

*Xác định câu chủ đề của đoạn văn trên? Câu chủ đề ở vị trí đó có tác dụng gì trong việc triển khai nội dung đoạn văn?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 - 3 HS trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Mỗi đoạn văn đều có cách sắp xếp, tổ chức ý, triển khai nội dung khác nhau. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát nội dung của đoạn văn. Hôm nay, chúng ta cùng nhau tìm hiểu về đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức về bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Đặc điểm**  **- Đoạn văn diễn dịch**  *Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay. Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử.*  (Đặng Thai Mai, *Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc*)  Ở đoạn văn trên, câu chủ đề (in đậm) được đặt ở đầu đoạn, khẳng định hai nét đặc sắc của tiếng Việt là đẹp và hay. Các câu tiếp theo nói rõ cái đẹp và cái hay thể hiện cụ thể như thế nào.  => Đoạn văn diễn dịch: Đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  **- Đoạn văn quy nạp**  *Đề cao sự khác biệt không phải là cổ động cho lối sống cá nhân ích kỉ, hẹp hòi, chối bỏ mọi trách nhiệm. Đề cao sự khác biệt không có nghĩa chấp nhận những sự kì dị, quái đản cốt làm cho cá nhân nổi bật giữa đám đông, xa lạ với văn hóa truyền thống của dân tộc. Đề cao sự khác biệt cũng không đồng nghĩa với việc tán thành lối sống tự do vô mục đích.* ***Xét cho cùng, chỉ sự khác biệt nào toát lên được giá trị của cá nhân và có ý nghĩa cho cộng đồng thì mới thực sự có ý nghĩa, đáng được đề cao****.*  (Nhiều tác giả, *Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi trung học phổ thông quốc gia – phần nghị luận xã hội, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016*)  Ba câu đầu nêu những biểu hiện của sự khác biệt tầm thường, vô nghĩa, từ đó, câu chủ đề (in đậm) ở cuối đoạn văn mới có cơ sở khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa, đáng được đề cao.  => Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  **2. Chức năng**  Diễn dịch, quy nạp là hai kiểu tổ chức đoạn văn khác nhau, nhưng đều đáp ứng yêu cầu cơ bản của một đoạn văn: thể hiện rõ chủ đề. Do có câu chủ đề, việc tiếp nhận nội dung đoạn văn trở nên thuận lợi hơn, dù câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn (diễn dịch) hay ở cuối đoạn (quy nạp). Hai kiểu đoạn văn này đặc biệt phù hợp với văn bản nghị luận. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGk.  *1. Tìm câu chủ đề trong các đoạn văn sau, từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.*  *a. Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!*  *(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)*  *b. Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,… tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi “nhóm bạn lí tưởng” ở huyện, “màu cờ sắc áo” không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tưng bừng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.*  *Dẫn theo Ngữ văn 6, tập hai*  *(Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr. 67)*  *2. Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.*  *(1) Một cô Tấm (trong truyện “Tấm Cám”) bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám – những kẻ lắm mưu mô tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.*  *(2) Một Thạch Sanh (truyện “Thạch Sanh”) chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.*  *(3) Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.*  *(4) Một người em (truyện “Cây khế”) thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển khơi.*  *3. “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất” (I-li-a Ê-ren-bua). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn, một đoạn văn đặt câu chủ đề ở đầu đoạn (diễn dịch) và đoạn văn đặt câu chủ đề ở cuối đoạn (quy nạp).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1**  a. Câu chủ đề: Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!  => Đoạn văn quy nạp.  - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.  b. Câu chủ đề: Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.  => Đoạn văn diễn dịch.  - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục.  **Câu 2**  - Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4)  - Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)  - Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy.  **Câu 3**  - Đoạn văn diễn dịch:  Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nước chính là tình yêu quê hương đất tổ nơi mình sinh ra và lớn lên. Lòng yêu nước có thể là yêu lũy tre xanh bao quanh làng, yêu dòng sông chảy trước nhà, yêu chân ruộng thơm mùi gốc rạ, yêu con cò đứng khoan thai trên đồng bên dáng mẹ còng lưng làm cỏ lúa… Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn.  - Đoạn văn quy nạp:  Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước; nỗ lực cố gắng không ngừng để dựng xây và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, yêu người dân sống trên mảnh đất hình chữ S. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn. Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về cách triển khai đoạn văn*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy chỉ ra những điểm khác nhau trong khi triển khai đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm một số đoạn văn được triển khai theo cách diễn dịch và quy nạp, chỉ ra câu chủ đề.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 2: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**(Hồ Chí Minh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Hiểu được tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc ta, cảm nhận được tấm lòng của chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân và đất nước.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản nghị luận.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

- Năng lực nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**3. Về phẩm chất**

Tự hào về truyền thống yêu nước; có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho HS cả lớp tham gia trò chơi *Ai nhanh tay hơn?*

- GV phổ biến luật chơi: *GV lần lượt chiếu hình ảnh của 10 vị anh hùng dân tộc tiêu biểu khác nhau trên màn hình chiếu. HS sẽ quan sát và nêu tên của nhân vật lịch sử đó. HS nào giơ tay trả lời nhanh và chính xác nhất cho mỗi lượt chiếu sẽ được tuyên dương và cộng điểm.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hào hứng, tích cực tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS giơ tay nêu tên nhân vật lịch sử có trong các hình ảnh:

+ Hình 1: *Hùng Vương (vua Hùng)*

+ Hình 2: *Hai Bà Trưng (Trưng Trắc, Trưng Nhị)*

+ Hình 3: *Lý Nam Đế (Lý Bí)*

+ Hình 4: *Ngô Quyền*

+ Hình 5: *Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn)*

+ Hình 6: *Trần Hưng Đạo (Trần Quốc Tuấn)*

+ Hình 7: *Lê Thái Tổ (Lê Lợi)*

+ Hình 8: *Nguyễn Trãi*

+ Hình 9: *Quang Trung (Nguyễn Huệ)*

+ Hình 10: *Hồ Chí Minh*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, khen ngợi tinh thần tham gia trò chơi của cả lớp.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Những hình ảnh mà các em vừa nêu tên chính là những vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc đã có công lao rất to lớn trong cuộc chiến đấu và lao động gian khổ để giữ gìn, bảo vệ và dựng xây đất nước có được như ngày hôm nay. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài văn nghị luận về lòng yêu nước của nhân dân ta của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại mang tên Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc – hiểu văn bản**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả Hồ Chí Minh và văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả dựa vào nội dung đã đọc ở nhà, trả lời câu hỏi sau:  *+ Hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Hồ Chí Minh*.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Cho biết thể loại, xuất xứ của tác phẩm?*  *+ Văn bản bàn về vấn đề gì?*  *+ Nêu bố cục của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890 – 1969) quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là nhà cách mạng, lãnh tụ của Việt Nam, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa lớn.  - Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng và cầm bút, Hồ Chí Minh để lại một di sản văn học rất phong phú, gồm văn chính luận, truyện kí, thơ ca,…  - Về văn chính luận, phải kể đến một số áng văn nổi tiếng như *Tuyên ngôn độc lập* (1945), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946), *Không có gì quý hơn độc lập tự do* (1966),…  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ, thể loại**  - Văn bản trích trong *“Báo cáo chính trị”* của Chủ tịch HCM tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/ 1951 của Đảng Lao động Việt Nam.  *-* Thể loại:Nghị luận xã hội (chứng minh một vấn đề chính trị xã hội).  - Vấn đề nghị luận: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  **b. Bố cục**  - Phần 1 (Đoạn 1): Nêu vấn đề cần nghị luận: *Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.*  - Phần 2 (Đoạn 2 và 3): Giải quyết vấn đề cần nghị luận: *Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước.*  - Phần 3 (Đoạn còn lại): Kết thúc vấn đề: *Nhiệm vụ của Đảng ta.* |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Vấn đề chủ chốt tác giả nêu ra để nghị luận là vấn đề gì? Được thể hiện trong những câu văn nào?*  *+ Tác giả nêu vấn đề bằng cách nào? Tác dụng của cách nêu ấy?*  *+ Trong đoạn văn sử dụng nghệ thuật tiêu biểu nào? Tác dụng?*  *+ Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV2.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Để làm rõ lòng yêu nước của nhân dân ta, tác giả đã dựa vào những chứng cớ cụ thể nào?*  *+ Lòng yêu nước trong quá khứ được xác nhận bằng bằng chứng lịch sử nào?*  *+ Để chứng minh lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã viết bằng những câu văn nào?*  *+ Trong mỗi câu văn đó được sắp xếp như thế nào? Theo mô hình gì? Cấu trúc dẫn chứng ấy có quan hệ với nhau như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **NV3.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Tìm câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh? Hình ảnh so sánh đó có tác dụng, ý nghĩa gì?*  *+ Theo như lập luận của tác giả thì lòng yêu nước được tồn tại dưới dạng nào?*  *+ Em hiểu như thế nào về lòng yêu nước được trưng bày và lòng yêu nước được cất giấu kín đáo?*  *+ Trong khi bàn về bổn phận của chúng ta, tác giả đã bộc lộ quan điểm yêu nước như thế nào? Câu văn nào nói lên điều đó?*  *+ Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **1. Truyền thống yêu nước của nhân dân ta**  - Vấn đề được thể hiện ở hai câu đầu 🡪Cách nêu trực tiếp, rõ ràng, dứt khoát và theo hướng khẳng định, cụ thể hoá, (các từ: nồng nàn, truyền thống quý báu).  - Nghệ thuật :  + So sánh: Tinh thần yêu nước (trừu tượng) – làn sóng (cụ thể)  🡪 Hình ảnh so sánh chính xác, mới mẻ 🡪 Hình dung sức mạnh to lớn, vô tận, tất yếu của lòng yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm.  + Động từ: lướt, nhấn chìm 🡪 thấy được tính linh hoạt vừa mềm dẻo vừa mạnh mẽ và nhanh chóng của tinh thần yêu nước khi được phát động.  => Cách nêu vấn đề ngắn gọn, sinh động khẳng định vấn đề như một chân lí theo mạch trung gian.  \* Sơ đồ hoá:  (1) Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (2) Truyền thống quý báu  (3) Từ xưa 🡪 nay 🡪 lướt qua mọi nguy hiểm khó khăn (Thời gian lịch sử).  - Làn sóng (mạnh mẽ, to lớn) 🡪 nhấn chìm … cướp nước.  - Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng – (điều kiện kích thích, phát triển).  **2. Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước**  a. Lòng yêu nước trong lịch sử thời quá khứ  - Dẫn chứng: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang về thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Quang Trung,...  🡪 Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian lịch sử.  => Ca ngợi những chiến công hiển hách trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.  b. Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta:  - Nhận định chung: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.  - Liệt kê dẫn chứng theo mô hình “từ... đến” vừa cụ thể, vừa toàn diện.  + Từ các cụ già ... đến các cháu...  + Từ những chiến sĩ..., đến những công chức...  + Từ những nam nữ công nhân..., cho đến những...  => Cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của đồng bào ta trong cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp.  \* Kết luận:  - Cách liệt kê dẫn chứng của tác giả phong phú, toàn diện, liên tục không rối, vừa khái quát vừa cụ thể, hệ thống rành mạch.  - Giọng văn liền mạch, dồn dập, khẩn trương, tràn đầy tinh thần bình tĩnh, tự tin của dân tộc anh hùng, tin tưởng vào cuộc kháng chiến chống Pháp nhất định thắng lợi  - Lý lẽ, lập luận giản dị, chủ yếu là dẫn chứng. Tác giả cố ý để cho sự việc, con người, sự thật cuộc sống là những minh chứng hùng hồn và hết sức thuyết phục.  **3. Nhiệm vụ của Đảng ta**  - So sánh: Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý.  🡪 Đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:  + Có khi được trưng bày... 🡪 nhìn thấy.  + Có khi được cất giấu kín đáo... 🡪 không nhìn thấy.  => Cả 2 đều đáng quí.  - Nêu lên bổn phận: phải động viên, tổ chức, khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người. (Phải ra sức giải thích, tuyên truyền... kháng chiến).  🡪 Đưa hình ảnh để diễn đạt lí lẽ 🡪 Dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.  => Kết thúc vấn đề tự nhiên, hợp lí, sâu sắc, sát với thực tế và đầy sức thuyết phục. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Khẳng định dân ta có lòng yêu nước nồng nàn và làm sáng tỏ lòng yêu nước đó.  - Khơi gợi và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc.  **2. Nghệ thuật**  - Xây dựng luận điểm ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng toàn diện, tiêu biểu, chọn lọc theo các phương diện: lứa tuổi, nghề nghiệp, vùng miền,…  - Sử dụng từ ngữ gợi hình ảnh (làn sóng, lướt qua, nhấn chìm…) câu văn nghị luận hiệu quả (câu có từ quan hệ từ… đến). |

**Hoạt động 2: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn thể hiện được ý kiến của bản thân đối với nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trả lời cho câu hỏi: Phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ cần thể hiện khi Tổ quốc bị xâm lăng?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

| ***Đoạn văn mẫu:***  (1)Tình yêu đất nước đã là truyền thống lâu đời của dân tộc. (2)Dù ở thời đại nào, tinh thần yêu nước cũng cần phải được thể hiện ở mỗi người. (3)Nếu mỗi người đều có lòng yêu nước, nghĩa là chúng ta tiếp nối truyền thống của dân tộc, nghĩa là chúng ta tiếp tục tiếp nhận và duy trì nguồn sức mạnh của dân tộc, sống đúng với đạo nghĩa và truyền thống của dân tộc từ xưa đến nay. (4)Hiện nay, đất nước ta đang trên đà phát triển, rất cần công sức xây dựng, đóng góp của mỗi cá nhân dành cho cộng đồng. (5)Hơn lúc nào hết chúng ta cần lòng yêu nước, hơn nữa còn cần biến nhận thức thành hành động. (6)Trong thời đại ngày nay, khi nền hoà bình dân tộc và độc lập của đất nước đã được kiên cố, thể hiện tình yêu sâu đậm đối với đất nước, chúng ta cần phải có nhận thức đúng đắn về lòng yêu nước, nuôi dưỡng tình yêu nước trong chính tâm hồn mình và thúc đẩy lòng yêu nước ở những người xung quanh. (7)Vì thế dù là khi Tổ quốc bị xâm lăng, hay là thời bình thì lòng yêu nước luôn phải tồn tại và sục sôi trong mỗi con người. |
| --- |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Vì sao nói đây là một văn bản nghị luận chính trị - xã hội rất mẫu mực?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV gọi 2 – 3 HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Văn bản trên đã khắc họa bức chân dung chủ tịch Hồ Chí Minh như thế nào?*

- GV hướng dẫn HS:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.

- Xác định được câu chủ đề trong đoạn văn.

- Viết được đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, phân tích đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ: Viết đoạn văn.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ:

*Cho đoạn văn sau:*

*+ Trong tập “Nhật kí trong tù”(Hồ Chí Minh), có những bài phác họa sơ sài mà chân thực đậm đà, càng tìm hiểu càng thú vị như đang chiêm ngưỡng một bức tranh cổ điển. Có những bài cảnh lồng lộng sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có những bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức tranh sơn mài thâm trầm, sâu sắc.*

*+ Thế đấy, biển luôn luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ…Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.*

*Hai đoạn văn trên có câu chủ đề không? Xác định cách triển khai của mỗi đoạn văn.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 - 3 HS trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Mỗi đoạn văn đều có cách sắp xếp, tổ chức ý, triển khai nội dung khác nhau. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát nội dung của đoạn văn. Hôm nay, chúng ta cùng nhau tìm hiểu về đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu, tiếp thu kiến thức về đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** HS nắm rõ kiến thức bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thẻ nội dung trong SGK và đặt câu hỏi:  *+ Nêu đặc điểm và chức năng của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Đặc điểm**  **- Đoạn văn song song**  *Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm, trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội.*  (Trích *Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới và trẻ em*)  Đoạn văn có ba câu, mỗi câu nêu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em. Mặc dù không có câu chủ đề, nhưng tất cả các câu trong đoạn cùng thể hiện một chủ đề: trách nhiệm đối với trẻ em.  => Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  **- Đoạn văn phối hợp**  ***Bị cười, không phải mọi người đều phản ứng giống nhau.*** *Có người tỏ thái độ mặc kệ, bất cần, ai cười, người ấy nghe. Có người, nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. Nhưng cũng có những người, bị tiếng cười của đám đông nhằm tới, do thiếu bản lĩnh, nên hoảng hốt, lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực.* ***Như vậy, sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao?***  (Minh Đăng, *Tiếng cười không muốn nghe*)  Đoạn văn trên có câu mở đầu (in đậm) nêu chủ đề của đoạn: mọi người sẽ có phản ứng khác nhau khi bị chê cười. Bốn câu tiếp nêu các kiểu phản ứng cụ thể. Câu cuối đoạn (in đậm) khái quát tác hại của sự cười nhạo đối với con người.  => Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức về đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp để làm các bài tập trong SGK.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thực hiện các bài tập trong SGk.  *1. Xác định kiểu đoạn văn của những trường hợp sau. Phân tích tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn.*  *a. Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các ngươi biết biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.*  *(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)*  *b. Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ,… Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.*  *(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân ta)*  *2. Đoạn văn sau được tổ chức theo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?*  *Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.*  *(Hà Ánh Minh, Ca Huế trên sông Hương)*  *3. Hãy viết một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp (mỗi đoạn khoảng 7 – 9 câu) theo chủ đề tự chọn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiến hành thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **Câu 1.**  a. Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song  - Đoạn văn có hai câu, mỗi câu đảm nhiệm một nội dung khác nhau, nhưng đều nêu nhiệm vụ cụ thể, cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu của tướng sĩ.  b. Kiểu đoạn văn: đoạn văn phối hợp  - Đoạn văn có câu mở đầu nêu chủ đề của đoạn: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Các câu tiếp theo nêu dẫn chứng cụ thể. Câu cuối đoạn khái quát lại điểm giống nhau đó: đều giống nhau nơi nồng nàn yêu nước.  **Câu 2**  - Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song  - Chủ đề: Cảnh ca Huế trong đêm trăng trên sông Hương.  - Dựa vào nội dung của các câu văn để nhận biết điều đó. Ba câu văn miêu tả ba khía cạnh khác nhau của đêm ca Huế. Mặc dù không có câu chủ đề nhưng các câu trong đoạn đều thể hiện chung chủ đề.  **Câu 3.**  - Đoạn văn song song:  Đi bất cứ nơi đâu trên đất nước này, bạn cũng gặp hình ảnh của Người trong cuộc sống cũng như trong tâm hồn của mỗi người dân. Bác đã hiến trọn cuộc đời cho dân tộc. Mấy chục năm gian nan thử thách ở nước ngoài, Bác đã tìm cho dân tộc con đường đi cách mạng để rồi từ đó, nhân dân ta đòi lại được tự do. Hình ảnh Bác đẹp trong lòng của mỗi người dân Việt không phải chỉ vì Bác đã đem đến cho chúng ta cơm áo tự do mà ngay từ trong cách sống, Bác đã là tấm gương cho tất cả mọi người. Bác sống giản dị và giàu tình cảm. Tôi chưa thấy ở nơi đâu, một vị Chủ tịch nước lại giản dị như thế. Người ăn mặc bình dân, Người sống hòa mình. Người bận trăm công ngàn việc mà vẫn dành thì giờ chăm lo từ những cụ già đến các bé nhi đồng nhỏ tuổi. Người sống trọn mình cho dân tộc chẳng vướng bận chút riêng tư.  - Đoạn văn phối hợp:  Truyền thống uống nước nhớ nguồn là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Mỗi người trong chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy mạnh mẽ tinh thần đó. Đây là truyền thống thể hiện sự kính trọng của thế hệ đi sau với thế hệ đi trước để tỏ lòng biết ơn của mình với những người có ơn với mình. Hằng năm, cứ mỗi dịp kỉ niệm ngày thương binh liệt lĩ, đảng và nhà nước lại tổ chức các hoạt động thăm viếng mộ liệt sĩ, thăm hỏi gia đình liệt sĩ, tặng quà, tạo điều kiện cho gia đình phát triển. Hiện nay, mọi người trong xã hội đã chú ý hơn đến việc này, không chỉ các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động này mà những đơn vị, tổ chức cá nhân cũng tham gia rất tích cực. Mọi người chung tay nhau, quyên góp, sau đó tổ chức các hoạt động thăm hỏi từng gia đình một, trao quà tặng thưởng. Tuy những món quà đó chưa hẳn đã có nhiều giá trị về vật chất nhưng lại đầy ắp tinh thần của người trao. Đây là các việc làm rất ý nghĩa, cần được mọi người phát huy, giữ gìn để truyền thống uống nước nhớ nguồn mãi là truyền thống quý báu của dân tộc ta, mãi được những dân tộc khác tôn trọng và học hỏi. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về cách triển khai đoạn văn*.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy chỉ ra những điểm khác nhau trong khi triển khai đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm một số đoạn văn được triển khai theo cách song song và phối hợp.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VĂN BẢN 3: NAM QUỐC SƠN HÀ**

**(Sông núi nước Nam)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Cảm nhận được tinh thần độc lập, khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nam quốc sơn hà.*

- Năng lực nhận biết được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ: *Em có hiểu biết gì về truyền thống yêu nước của nhân dân ta?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV cũng có thể chia sẻ cùng HS về trải nghiệm của chính mình, kết nối với bài đọc.

- GV khơi gợi những vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới: *Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam ta đã đứng lên chống giặc ngoại xâm rất oanh liệt. Tự hào thay! Ông cha ta đã đưa đất nước sang một trang lịch sử mới. Đó là thoát khỏi ách đô hộ ngàn năm của phong kiến phương Bắc, kỷ nguyên mới đã mở ra. Vì thế bài thơ “Nam quốc sơn hà” ra đời được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, khẳng định một quốc gia độc lập chủ quyền. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về nội dung bản tuyên ngôn này.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến tác giả và văn bản.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, văn bản và dựa vào nội dung đã đọc ở nhà, trả lời câu hỏi sau: *Hãy trình bày những hiểu biết của em về những thông tin về tác giả văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Nêu nhan đề văn bản.*  *+ Xác định thể loại và phương thức biểu đạt?*  *+ Hãy nêu chủ đề của bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-** Bài thơ hiện chưa rõ tác giả. Nhiều tài liệu cho rằng là của Lý Thường Kiệt.  - Có những ghi chép khác nhau về sự xuất hiện của bài thơ.  **+** Theo sách Lĩnh Nam chích quái, bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến cho quân Tống hoảng sợ, giúp vua Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981.  + Theo sách Đại Việt sử kí toàn thư, khi Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như lời trong bài thơ.  **2. Văn bản**  - Nhan đề: Bài thơ vốn không có nhan đề. Tên gọi *Nam quốc sơn hà* là do những người biên soạn cuốn sách *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 (NXB Văn học, Hà Nội 1976) đặt, lấy từ bốn chữ đầu tiên của bài thơ.  - Thể loại: Thơ thất ngôn tứ tuyệt.  - Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.  - Chủ đề: Lời tuyên bố chủ quyền độc lập dân tộc. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HS đọc bản phiên âm chữ Hán, bản dịch nghĩa, dịch thơ và trả lời câu hỏi**  **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ đầu?*  *+ Ý thức dân tộc đã được thể hiện rõ trong câu thơ đầu tiên như thế nào?*  *+ Câu thơ thứ hai khẳng định rõ điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ cuối?*  *+ Thái độ của người viết thể hiện như thế nào ở hai câu cuối?*  *+ Những tư tưởng nào của người viết được thể hiện ở hai câu cuối?*  *+ Liên hệ với lịch sử dân tộc, hãy chứng minh sự chính xác của lời tuyên ngôn chiến thắng này?*  *( Quân và dân nhà Lý dưới sự chỉ huy của Lý thường Kiệt đã đánh tan đạo quân xâm lược Tống, bảo vệ bờ cõi nước ta)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Hai câu thơ đầu**  - Giọng thơ: Hùng hồn, rắn chắc, trang trọng và đầy tự hào  \* Câu 1:  - Nam quốc: nước Nam 🡪 Vùng sông núi phía Nam là một nước chứ không phải một quận huyện của Trung Hoa 🡪 Khẳng định ý thức độc lập chủ quyền của một dân tộc.  - Đế: chữ quan trọng nhất 🡪 Chứng tỏ nước Nam là có vua, có chủ, có quốc chủ. Đế còn có nghĩa đại diện cho nhân dân. Nam đế là vua đại diện cho nhân dân nước Nam.  - Nam đế cư: Nơi ở của vua nước Nam, xử lí mọi công việc của nước Nam là vua nước Nam. Nơi thuộc chủ quyền của người Việt vì vua gắn với nước.  => Ý thức độc lập, tự cường; bình đẳng, ngang hàng với các hoàng đế Trung Hoa.  \* Câu 2:  - Âm điệu: Hùng hồn, rắn rỏi diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.  - Khẳng định ranh giới nước Nam đã được phân định rõ ràng hợp với đạo trời - đất, thuận với lòng người. Tạo hoá đã định sẵn nước Việt Nam của người Việt Nam.  => Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.  **2. Hai câu thơ cuối**  - Giọng điệu: Vừa thách thức vừa quả quyết.  \* Câu 3:  - Là câu hỏi, hướng về bọn giặc ngông cuồng.  - Là lời cảnh báo về hành động xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa, vô đạo lý của phong kiến phương Bắc.  \* Câu 4: Lời cảnh báo hậu quả thê thảm đối với bọn xâm lăng nếu như cố tình xâm phạm đến nước Nam và khẳng định sức mạnh vô địch của quân và dân ta.  🡪 Hai câu cuối là lời cảnh báo đanh thép, kiên quyết thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng để giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc - Khẳng định vững chắc chủ quyền độc lập và bình đẳng của dân tộc ta  => Khẳng định quyết tâm sắt đá: sẽ đập tan mọi âm mưu, hành động liều lĩnh của bất kì kẻ xâm lược ngông cuồng nào, cho dù chúng tàn bạo, nham hiểm và mạnh đến đâu. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản:  *+ Nội dung chính của văn bản.*  *+ Nhận xét về nghệ thuật của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Văn bản thể hiện niềm tin về sức mạnh của chính nghĩa và được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên. Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  - Tuy nhiên qua từng câu chữ, ta vẫn bắt gặp những dòng cảm xúc, tâm trạng của tác giả. Đó là một niềm tự hào, tự tin, nỗi tức giận.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ ngắn gọn,xúc tích.  - Hình thức văn nghị luận với lập luận chặt chẽ  - Lựa chọn ngôn ngữ, giọng hùng hồn, đanh thép, dõng dạc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Nam quốc sơn hà.*

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước được gợi ra từ văn bản Nam quốc sơn hà.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Ngoài bài Nam quốc sơn hà, em còn biết những văn bản nào khác được coi là tuyên ngôn độc lập của nước ta? Hãy kể tên.*

- GV hướng dẫn HS.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm bài tập.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(Con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được bàn đến.

- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.

- Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Về phẩm chất**

- Hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước là điều rất cần thiết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời: *Em hiểu gì về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, đất nước?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học hôm nay sẽ hướng dẫn các em viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Cách thức tiến hành**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu yêu cầu khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.*  *+ Phân tích bài viết tham khảo: Hiểu biết về lịch sử.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Yêu cầu**  - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.  **2. Phân tích bài viết tham khảo: *Hiểu biết về lịch sử***  - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử.  - Tiếp tục dùng lí lẽ để mở rộng ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ thực tế: có những bạn trẻ không quan tâm đến lịch sử dân tộc, hậu quả của tình trạng đó.  - Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động. |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi viết.  - GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo yêu cầu:  + Lựa chọn đề tài  + Tìm ý  + Lập dàn ý  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2 + 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài văn theo các bước đã nêu ở NV1.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn HS đổi bài cho nhau theo cặp đôi để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết bài văn.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài văn của mình.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  HS cần huy động vốn hiểu biết qua học môn Ngữ văn và các môn học khác, qua sách báo và các phương tiện truyền thông, nêu ra một số vấn đề để suy nghĩ, lựa chọn. Có thể tham khảo các đề tài sau:  - Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện.  - Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  - Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em.  - Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống.  **b. Tìm ý**  HS ghi nhanh ra giấy những ý nghĩ bất chợt nảy sinh trong quá trình tìm hiểu các khía cạnh của đề tài, kết hợp với việc trả lời các câu hỏi xoay quanh đề tài. Chẳng hạn:  *- Vấn đề có tầm quan trọng như thế nào?*  *- Vấn đề có những khía cạnh cơ bản nào? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ từng khía cạnh?*  *- Cần có hành động như thế nào sau khi nhận thức về vấn đề?*  **c. Lập dàn ý**  Kết quả của việc tìm ý là cơ sở để lập dàn ý. Lập dàn ý là tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.  - *Mở bài*: Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó.  - *Thân bài*: Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.  + Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lí lẽ, bằng chứng)  + Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)  + Liên hệ, mở rộng vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng)  *- Kết bài:* Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.  **2. Viết bài**  Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:  - Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.  - Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,…), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.  - Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa:  - Nếu thấy vấn đề đời sống liên quan đến con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước nêu chưa rõ ràng, cụ thể thì cần bổ sung.  - Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Viết lại những câu văn, đoạn văn chưa đạt yêu cầu.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài sau khi chỉnh sửa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.*

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI**

**(Ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Nắm được nội dung chính mà nhóm trao đổi, trình bày lại được các nội dung đó để hiểu sâu hơn về vấn đề và nâng cao khả năng nói.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói và người nghe trao đổi, đánh giá để cùng rút kinh nghiệm.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước, từ đó biết hành động một cách đúng đắn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Theo em, chúng ta có cần thiết thảo luận khi giải quyết một vấn đề trong đời sống hay không? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi, từ đó khơi gợi ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Yêu cầu, mục đích**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nội dung SGK, xác định yêu cầu và mục đích của bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Yêu cầu:  + Nắm được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, trình bày lại được các nội dung đí để hiểu sâu hơn vấn đề và nâng cao khả năng nói.  + Thấy được trách nhiệm của bản thân với cộng đồng, đất nước, từ đó biết hành động một cách đúng đắn.  - Mục đích thảo luận: Để những người tham gia thảo luận cùng hiểu đúng bản chất của vấn đề, tạo được sự đồng thuận, từ đó có thái độ và hành động phù hợp.  - Người nghe: Các thành viên tham gia cuộc thảo luận và những người tham dự buổi thảo luận do muốn hiểu thêm về vấn đề. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung trước khi thảo luận và chuẩn bị:  *+ Lựa chọn đề tài*  *+ Tìm ý*  *+ Cử người điều hành thảo luận*  *+ Cử thư kí ghi chép nội dung thảo luận*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo sự chuẩn bị NV1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hành nói theo các bước.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày bài thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Sau khi thảo xong, GV hướng dẫn HS đánh giá.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi với các bạn trong nhóm.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 trao đổi, đánh giá.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Trước khi thảo luận**  - Từng thành viên trong lớp cần nêu vấn đề theo góc nhìn của mình, tập thể lớp trao đổi, thống nhất chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp với tuổi, được nhiều người quan tâm làm đề tài cho cuộc thảo luận. Có thể xem lại các đề tài đã gợi ý ở phần Viết, hoặc tham khảo thêm một số đề tài sau để lựa chọn:  + Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước?  + Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?  + Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc?  - Sau khi thống nhất đề tài, mỗi cá nhân tự tìm hiểu, tham khảo thêm những tài liệu có liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận.  - Lớp cử một người điều hành thảo luận đảm nhận sắp xếp, giới thiệu tuần tự các ý kiến, định hướng vào trọng tâm đề tài, kiểm soát thời gian phát biểu ý kiến của từng người; tổ chức đánh giá, tổng kết cuộc thảo luận.  - Cử một thư kí ghi chép các ý kiến trong cuộc thảo luận.  **2. Thảo luận**  - Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận.  - Theo định hướng của người điều hành, các thành viên trong lớp lần lượt phát biểu ý kiến. Ý kiến cần tập trung vào trọng tâm vấn đề, phân tích từng khía cạnh, có lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người nghe.  - Người phát biểu sau có thể bàn luận về vấn đề theo góc nhìn riêng, tán thành hay phản đối ý kiến của người phát biểu trước, trên cơ sở đó, khẳng định quan điểm của mình.  - Các thành viên tham gia thảo luận cần nắm được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung các ý kiến đó.  - Thư kí ghi chép các ý kiến, người điều hành dựa vào đó tổng hợp, kết luận về vấn đề. Tùy thực tế cuộc thảo luận, người điều hành có thể khẳng định sự đồng thuận của các ý kiến hoặc khái quát các nhóm ý kiến khác nhau. Mục đích cuối cùng là để mọi người hiểu sâu sắc hơn về bản chất vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp.  **3. Đánh giá**  Sau khi thảo luận, cả lớp cần tập trung trao đổi về một số khía cạnh:  - Vấn đề đời sống được thảo thực sự có ý nghĩa không, có tác động gì đến nhận thức của bản thân?  - Các ý kiến phát biểu đã tập trung vào trọng tâm của vấn đề chưa, có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề như thế nào?  - Các thành viên tương tác với nhau ở mức độ nào, có thể hiện thái độ tôn trọng, học hỏi nhau trong thảo luận không?  - Người điều hành và thư kí đã thể hiện đúng vai trò của mình chưa? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy lựa chọn một ý trong bài nói, viết thành đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 7 – 9 câu).*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- HS trả lời.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em rút ra kinh nghiệm cho những buổi thảo luận tiếp theo?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**THỰC HÀNH ĐỌC: CHIẾU DỜI ĐÔ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** Ôn tập nội dung kiến thức *Bài 3: Lời sông núi*.

- HS vận dụng kiến thức để thực hành đọc văn bản: *Chiếu dời đô*

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS nêu được nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận xã hội.

- Vận dụng các kiến thức đã học về văn bản nghị luận để thực hành đọc văn bản: Chiếu dời đô.

**3. Về phẩm chất**

- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Hãy kể tên các văn bản truyện lịch sử đã học trong Bài 3: Lời núi sông.*

- HS trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS xem lại 2 văn bản *Hịch tướng sĩ* và *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*; vận dụng các kiến thức đã học về văn bản nghị luận xã hội để hoàn thành bài tập.

*1. Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền các thông tin phù hợp:*

| ***Văn bản*** | ***Thời điểm ra đời*** | ***Luận đề*** | ***Luận điểm*** | ***Lí lẽ*** | ***Bằng chứng*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hịch tướng sĩ* |  |  |  |  |  |
| *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* |  |  |  |  |  |

*2. Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền thông tin phù hợp.*

| ***Xác định luận điểm*** | ***Hịch tướng sĩ*** | ***Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*** |
| --- | --- | --- |
| *Luận điểm 1* | *- Đoạn từ … đến …*  *- Đoạn văn thuộc kiểu:* | *- Đoạn từ … đến …*  *- Đoạn văn thuộc kiểu:* |
| *Luận điểm 2* | *- Đoạn từ … đến …*  *- Đoạn văn thuộc kiểu:* | *- Đoạn từ … đến …*  *- Đoạn văn thuộc kiểu:* |
| *Luận điểm n* | *- Đoạn từ … đến …*  *- Đoạn văn thuộc kiểu:* | *- Đoạn từ … đến …*  *- Đoạn văn thuộc kiểu:* |

*3. Từ các thông tin ở hai bảng trên, hãy rút ra những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận.*

*4. Nêu những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

*5. Tìm đọc một văn bản nghị luận bàn về vấn đề xã hội, ghi vào vở luận đề, các luận điểm, các kiểu đoạn văn được sử dụng ở văn bản đó.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.

**Câu 1.**

| **Văn bản** | **Thời điểm ra đời** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hịch tướng sĩ | Cuối thế kỷ 13 trước cuộc chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 | Khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính | - Tội ác của giặc và lòng căm thù giặc.  - Phê phán thói hưởng lạc cá nhân từ đó thức tỉnh tinh thần yêu nước của tướng sĩ  - Kêu gọi tướng sĩ | - Sự ngược ngạo, tàn ác, tham lam của quân giặc.  - Những thú vui tiêu khiển, sự giàu có cũng không thể chống lại quân giặc. Nếu để nước nhục thì chịu tiếng xấu muôn đời.  - Chỉ có luyện binh đánh giặc mới có thể chiến thắng, cửa nhà no ấm, tiếng thơm muôn đời.  - Dựa vào đạo thần chủ, trước sự xâm lược của quân Mông - Nguyên, Trần Quốc Tuấn coi giặc là kẻ thù không đội trời chung.  - Nếu không rửa nhục cho chủ, cho nước thì muôn đời để thẹn, không còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa. | - Những tấm gương trung thần nghĩa sĩ: Kỷ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Kính Đức, Cảo Khanh, Vương Công Kiên, Nguyễn Văn Lập, Cốt Đãi Ngột Lang, Xích Tu Tư. |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay) | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta | - Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. - Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. - Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. - Bổn phận của chúng ta phải làm cho tinh thần yêu nước được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến. | - Tinh thần yêu nước trong lịch sử (“ lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại”)  - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay (“đồng bào ta ngày nay...”) | - Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...  -  “Mọi người dân từ trẻ đến già, từ miền xuôi đến miền ngược cùng một lòng yêu nước giết giặc, nam nữ công nhân và nông dân hăng hái tham gia sản xuất ... ” |

**Câu 2.**

| **Xác định luận điểm** | **Hịch tướng sĩ** | **Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.** |
| --- | --- | --- |
| Luận điểm 1 | - Đoạn từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”.  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp | - Đoạn từ đầu đến “lũ cướp nước”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn diễn dịch |
| Luận điểm 2 | - Đoạn từ “huống chi ta” đến “ta cũng vui lòng”.  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song | - Đoạn từ “lịch sử ta” đến “dân tộc anh hùng”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp |
| Luận điểm 3 | - Đoạn từ “các ngươi ở cùng ta” đến “phỏng có được không”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp | - Đoạn từ “đồng bào ta” đến “lòng nồng nàn yêu nước”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp |
| Luận điểm 4 | - Đoạn từ “nay ta chọn binh pháp” đến hết  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song | - Đoạn từ “tinh thần yêu nước” đến hết  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp |

**Câu 3.**

Những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận:

Một bài văn nghị luận có luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. Bài văn có luận điểm chính và luận điểm phụ:

+ Luận điểm ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định, diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu

+ Luận điểm cần đúng đắn, tiêu biểu mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục

+ Lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm, luận cứ phải chân thật, đúng đắn thì mới khiến luận điểm có sức thuyết phục

**Câu 4.**

Những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

- Giống nhau: Dẫn chứng đều là những nhân vật có thật trong lịch sử.

- Khác nhau:

+ Hịch tướng sĩ dùng dẫn chứng để khích lệ binh lính chiến đấu.

+ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta dùng dẫn chứng để bày tỏ truyền thống yêu nước của dân tộc.

**Câu 5.**

Ví dụ văn bản: Phải chăng chỉ có ngọt nào mới làm nên hạnh phúc – Phạm Thị Ngọc Diễm.

- Luận đề: Phải chăng chỉ có ngọt ngào làm nên hạnh phúc?

- Luận điểm:

+ Ngọt ngào là hạnh phúc

+ Hạnh phúc không chỉ đến từ những điều ngọt ngào ấy, nó còn có thể được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, thậm chỉ là nỗi đau.

- Các kiểu đoạn văn:

+ Đoạn 1: Đoạn văn diễn dịch

+ Đoạn 2: Đoạn văn quy nạp

+ Đoạn 3: Đoạn văn hỗn hợp

+ Đoạn 4: Đoạn văn diễn dịch

+ Đoạn 5: Đoạn văn quy nạp

+ Đoạn 6: Đoạn văn hỗn hợp

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 2: Thực hành đọc: *Chiếu dời đô***

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về văn bản *Chiếu dời đô.*

b. **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, vận dụng các kiến thức về văn bản nghị luận để tìm hiểu văn bản.  *1. Bài chiếu là một văn bản hành chính, nhưng vẫn đậm chất văn chương, thể hiện khát vọng xây dựng quốc gia giàu mạnh hơn trong tương lai.*  *2. Hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu văn bản theo các câu hỏi gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, trao đổi kết quả thảo luận.**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, tổng kết, chuẩn kiến thức. | **1. Bài chiếu là một văn bản hành chính, nhưng vẫn đậm chất văn chương, thể hiện khát vọng xây dựng quốc gia giàu mạnh hơn trong tương lai.**  - Lối viết văn chính luận, biền ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng.  - Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo rõ ràng.  - Dẫn chứng tiêu biểu giàu sức thuyết phục.  - Có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí.  **2**. **Hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả dùng để thuyết phục người đọc việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La.**  - Luận điểm:  + Luận điểm 1: Vì sao phải dời đô?  + Luận điểm 2: Vì sao thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất?  - Lí lẽ:  + Kinh đô cũ ở vùng núi Hoa Lư (Ninh Bình) của hai triều Đinh Lê là không còn thích hợp.  + Thành Đại La có nhiều thuận lợi để đóng đô.  - Dẫn chứng:  + Dẫn sử sách Trung Quốc  + Dẫn ra hai nhà Đinh Lê vì không dời đô nên vận nước ngắn ngủi |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 3. Lời núi sông*.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện mối quan hệ của luận đề, luận điểm, bằng chứng, lí lẽ của các văn bản nghị luận xã hội đã học trong Bài 3. Lời núi sông.*

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV mời 2 – 3 bạn đọc bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Từ nội dung Bài 3. Lời núi sông, em có suy nghĩ gì về ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ với dân tộc ngày nay.*

- HS trình bày.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.